

SỬ DỤNG GRAPH TRONG DẠY HỌC TIẾNG VIỆT

Phan Thị Minh Thủy*

1. Đặt vấn đề

Graph (G) còn được gọi là *lý thuyết đồ thị* hay *sơ đồ*, có tác dụng chỉ dẫn cụ thể về cơ cấu tổ chức của một hệ thống nào đó. Hệ thống là một tập hợp những yếu tố có quan hệ chặt chẽ với nhau tạo thành một chỉnh thể thống nhất. Ngôn ngữ là một hệ thống ký hiệu đặc biệt bao gồm trong nó nhiều đơn vị, có quan hệ tôn ti – thứ bậc với nhau, đây chính là cơ sở để lập G .

Trong dạy học (DH) Tiếng Việt, việc lập G có thể được áp dụng đối với tất cả giờ dạy lý thuyết lẫn thực hành, có thể dùng để kiểm tra – đánh giá học sinh (HS) hoặc cũng có thể dùng để củng cố bài, ôn tập chương... Cùng với hệ thống ngữ liệu, G cũng được coi là phương tiện trực quan, làm “tăng cường và mở rộng các giác quan của HS”, gây ấn tượng về thị giác, làm thay đổi “điểm nhìn”, tạo sự chú ý của HS trong giờ học. Nó bổ sung và hỗ trợ cho việc DH của GV khi mà việc diễn đạt bằng lời thường bị hạn chế bởi tính thời gian, tính cụ thể – sinh động, tính tập trung... nhằm điều khiển hoạt động nhận thức của HS. Chính vì giá trị và hiệu quả - tác động tích cực của nó đến sự hứng thú và say mê học tập của HS nên GV cần hiểu rõ ý nghĩa của việc lập G để biết cách lựa chọn, sử dụng các hình thức G (sơ đồ, biểu bảng, mô hình...) cho phù hợp, để xây dựng những nhiệm vụ nhận thức cho HS.

Việc lập G cho phép kết hợp chặt chẽ nhiều công đoạn DH với nhau, không mất nhiều thời gian, không làm “loãng” trọng tâm bài học (BH) và luôn thu hút HS. G còn cho phép GV có thể tập hợp nhiều tài liệu học tập, tạo ra những biện pháp sư phạm thích hợp với các đối tượng HS. Cụ thể là:

- Tái hiện lại những tri thức của bài giảng một cách chặt chẽ, chính xác, thành hệ thống.

* TS. – Trường ĐHSPTP. HCM.

- Nhờ tính trực quan cao, G giúp HS tăng cường trí nhớ và khả năng tập trung, làm cho việc học tập được lâu bền, tiết kiệm thời gian (vì toàn bộ nội dung BH được tóm tắt trong một sơ đồ ngắn gọn, đầy đủ, dễ nhớ).
- Làm rõ được các khái niệm, các quy tắc, các đơn vị kiến thức trong sự phân loại theo tầng bậc, qua đó phát triển tư duy logic, tư duy khoa học cho HS.
- Khắc phục được nhược điểm khái quát hóa vấn đề vốn còn yếu kém ở HS trên cơ sở giúp các em biết liên hệ các kiến thức rời rạc lại với nhau.

2. Một số cách sử dụng Graph

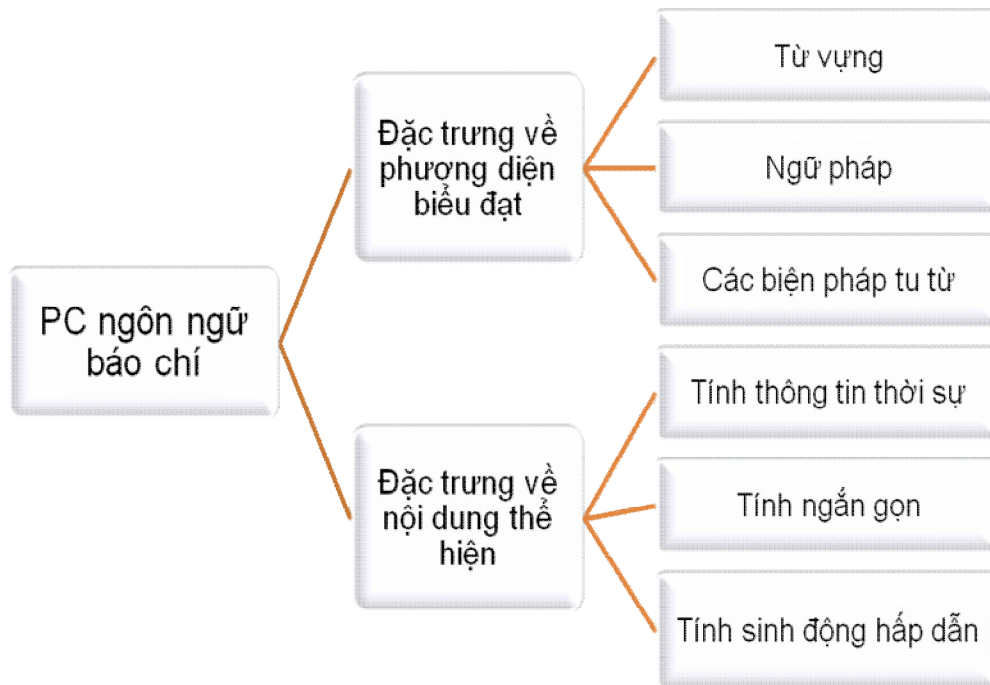
2.1. Sử dụng Graph trong việc tạo lập, phát hiện kiến thức mới

Trong những bài lý thuyết Tiếng Việt, kiến thức mới bao gồm các **khái niệm**, các quy tắc **ngôn ngữ**. Muốn thực hành giao tiếp tốt, HS cần phải nắm vững những kiến thức nền tảng này. Nắm được khái niệm là nắm được những thuộc tính cơ bản, quan trọng nhất của đối tượng cùng với mối liên hệ giữa chúng. Con người chỉ có thể trở thành chủ thể của hoạt động tư duy khi nắm được ngôn ngữ với các khái niệm và quy tắc sử dụng nó. Từ đây, GV có thể sử dụng G trong các trường hợp như:

2.1.1 Xác định các khái niệm chủ đạo trong bài học

Việc trình bày khái niệm thiếu trọng tâm, lan man thường làm cho HS khó định hướng khi tiếp nhận thông tin. Nếu người dạy “sơ đồ hóa” nội dung khái niệm và giảng dạy theo trật tự của cấu trúc này thì việc hiểu bản chất của khái niệm sẽ trở nên dễ dàng. HS sẽ nhận biết được mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, cùng bậc hay khác bậc, chung hay riêng... giữa các đơn vị kiến thức trong BH. Việc xác định kiến thức chính hay phụ sẽ giúp HS đi sâu vào bản chất của vấn đề, không chỉ dừng lại ở việc quan sát đơn thuần.

Ví dụ, trong bài “Phong cách ngôn ngữ báo chí”, có thể lập “sơ đồ mạng” như sau:



Sơ đồ này được thiết kế 1 đỉnh ở trung tâm, các đường dẫn nối với đỉnh thể hiện mối quan hệ giữa các yếu tố (sự kiện, đơn vị) của BH.

2.1.2 Để so sánh, phân loại các khái niệm với nhau

Có thể áp dụng trong những bài dạy cùng một lúc phải hình thành nhiều khái niệm, phải chỉ ra tính chất tương đồng và khác biệt giữa các đối tượng hoặc thể hiện các tiêu chí phân loại khác nhau giữa các yếu tố thuộc cùng một cấp độ. G sẽ giúp cho việc miêu tả cấu trúc và chức năng của mỗi phần trong hệ thống. Đây là cách trình bày khái niệm theo logic nhận thức của người học: từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ cụ thể đến trừu tượng... Qua đó, HS được tự mình quyết định cách thức thu nhận kiến thức và kỹ năng, phù hợp với khả năng và phong cách học của mình.

Ví dụ, trong bài “Văn thơ tiếng Việt”, G lúc này có tác dụng biểu diễn các đề mục theo trình tự logic, các nội dung BH được nối kết với nhau chặt chẽ.



Nhờ được quan sát cụ thể, HS sẽ nhận ra tiêu chí phân loại vần (ở tầng 1), khái niệm các loại vần (ở tầng 2), đặc điểm từng loại vần (ở tầng 3)... Việc ghi lại những kiến thức chính của bài bằng sơ đồ sẽ chính xác, đơn giản, hướng được sự chú ý của HS vào những nội dung cơ bản, kiến thức được tiếp nhận nhanh chóng, rõ ràng. HS sẽ không còn cảm giác về “nguồn ngữ liệu khô cứng” mà thông qua mô hình được minh họa trực quan, các em có thể “trương tác” dễ dàng với BH, khả năng nắm bắt kiến thức sẽ tốt hơn. Khi thay đổi về “điểm nhìn”, việc tiếp cận – thị giác được tăng cường, tạo ra sự liên tưởng hiệu quả với những gì đã học.

2.2. Sử dụng Graph để thực hành, để ôn tập, củng cố và hoàn thiện kiến thức

Đối với những phần, những chương gồm nhiều bài với dung lượng kiến thức nhiều và đa dạng, để tránh sự dàn trải và rời rạc về những nội dung cần ghi nhớ, GV cần sử dụng G để ôn tập, hệ thống hóa kiến thức, giúp HS có cái nhìn tổng thể – bao quát – tập trung về những kiến thức cơ bản đã được học.

Việc lập G ở đây không chỉ dừng lại ở chỗ tái hiện kiến thức một cách máy móc mà phải giúp HS chủ động bổ sung và hoàn thiện kiến thức, biết gắn kết

chúng lại với nhau. Các G lúc này sẽ cho phép HS chủ động lựa chọn các đơn vị kiến thức, tài liệu có liên quan trực tiếp tới những kiến thức nền tảng, tới nhiệm vụ và công việc của mình tại thời điểm đó để biết cách mở rộng – rút gọn hay đào sâu kiến thức. Ví dụ, khi ôn tập chương về “Các phong cách chức năng tiếng Việt”, GV có thể lập bảng. Mỗi ô trong bảng là một thông số có ý nghĩa riêng. Cột ngang biểu thị các tiêu chí phân loại, cột dọc trình bày các loại phong cách khác nhau, theo thứ tự:

Tiêu chí phân loại					
Các loại phong cách chức năng	Các dạng biểu hiện	Mục đích giao tiếp	Phạm vi giao tiếp	Đặc điểm về nội dung	Đặc điểm về hình thức
PC khoa học					
PC hành chính					
PC báo chí					
PC nghệ thuật					
...					

Kết hợp G này với các câu hỏi gợi mở, so sánh, khái quát hóa, GV có thể giúp HS:

- Nắm được kiến thức trọng tâm của phần ôn.
- Tích hợp được nhiều kiến thức với nhau, thành hệ thống.
- Tính chất so sánh – đối chiếu giữa các loại phong cách được làm rõ.
- Sự tương ứng giữa mặt hình thức với nội dung biểu đạt ở từng loại phong cách được nhận diện dễ dàng.

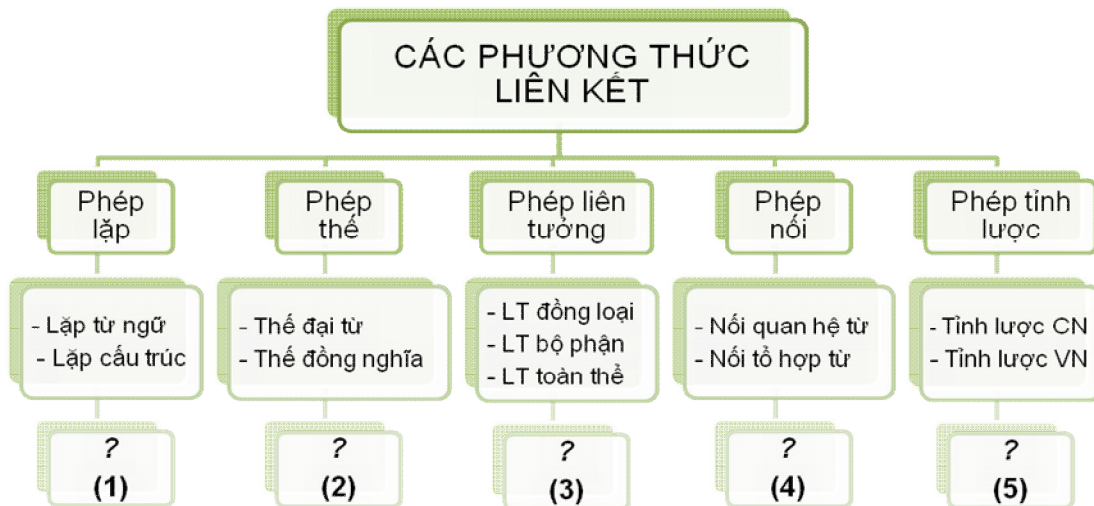
Hoặc khi thực hành về mở rộng – rút gọn đoạn văn, GV cũng có thể lập G. Cách này vừa tiết kiệm thời gian, vừa giúp HS quan sát tốt các quan hệ nghĩa phức tạp trong đoạn văn để thực hiện đúng những yêu cầu của BT.

2.3. Sử dụng Graph trong việc kiểm tra – đánh giá HS.

Quá trình DH hướng vào HS, hướng vào những tri thức và kỹ năng tiềm tàng của HS, tìm cách bộc lộ và khởi động chúng... đòi hỏi việc kiểm tra, đánh giá HS phải mang tính thường xuyên và toàn diện. Đó không đơn thuần là việc thu thập thông tin về chất lượng học tập mà còn tạo điều kiện thúc đẩy quá trình học tập của HS, giúp GV biết điều chỉnh, chọn lựa nội dung và phương pháp DH cho phù hợp, hiệu quả. Có nhiều cách kiểm tra, đánh giá khác nhau, trong đó G được coi là một trong những phương tiện đánh giá phát huy được khả năng rèn luyện thực hành, hệ thống hóa kiến thức, vận dụng kiến thức của HS. Trong trường hợp này, GV cần tạo điều kiện để HS thực hiện được những nhiệm vụ có tính định hướng cao.

2.3.1. Kiểm tra khả năng vận dụng thực tiễn của HS

GV có thể lập ra những G với những ô trống cần thiết, yêu cầu HS điền nội dung vào đó cho đúng. Ví dụ, trong bài “Thực hành về phép liên kết trong văn bản”, GV không kiểm tra khả năng học thuộc lòng (ở tầng 1) và khả năng nhận diện khái niệm (ở tầng 2) mà yêu cầu HS chỉ ra tác dụng biểu đạt của từng phép liên kết (ở tầng 3). Kiến thức này không có sẵn trong SGK, đòi hỏi HS phải suy ra từ việc quan sát và sử dụng nó trong thực tiễn giao tiếp:



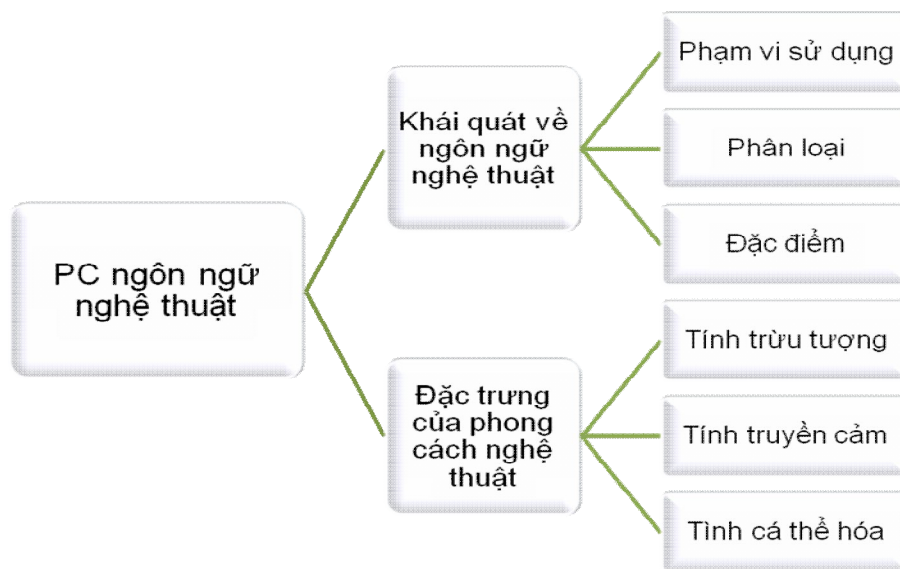
Trong trường hợp này, HS buộc phải đọc kỹ nội dung BH, phân tích ngữ liệu, so sánh giữa chúng để rút ra tác dụng biểu đạt của từng phép liên kết, qua đó hình thành nên nguyên tắc sử dụng chúng. Ví dụ, ở ô số 1 sẽ là “duy trì đối tượng của chủ đề văn bản; nhấn mạnh nghĩa; tăng cảm xúc”. Còn ở ô số 4 sẽ là “xác lập mối quan hệ logic – ngữ nghĩa giữa các câu”... HS có thể trao đổi với nhau, thông qua đó GV sẽ giúp các em bổ trợ, mở rộng kiến thức từ SGK để khắc sâu nội dung bài giảng. Đây cũng là cách làm giảm nhẹ lao động trên lớp của GV, tăng thời gian cho hoạt động tổ chức lớp học, là điều kiện để GV quan tâm nhiều hơn đến quá trình hình thành, phát triển tư duy cho HS.

2.3.2. Kiểm tra khả năng tự học của HS

Đó là khả năng khái quát hóa vấn đề, liên hệ giữa các kiến thức lại với nhau, biết so sánh – suy luận đúng hướng, biết trình bày vấn đề mạch lạc... Đây là yêu cầu khó hơn nên GV cần giúp HS thực hiện các thao tác sau đây trước khi lập G:

- Nắm vững nội dung BH (Có mấy ý? Ý chính? Ý phụ?...).
- Lựa chọn hình thức G cho phù hợp (Sơ đồ hình cây hay hình chấu? Biểu bảng hay mô hình? Đồ thị hay biểu đồ?).
- Sắp xếp các đơn vị kiến thức vào đúng vị trí của nó.
- Điền những nội dung chính yếu vào các ô, dùng đoạn thẳng, mũi tên nối các ô lại với nhau nhằm làm nổi rõ sự so sánh, phân loại (các khái niệm, các yếu tố).

Ví dụ, khi lập G bài “Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật”, GV cho HS đọc trước nội dung BH, sau đó dựa vào cách hiểu của mình để lập G:



Cũng có thể dùng bảng để kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ khác nhau của bài tập (BT). Ví dụ, cho một đoạn văn (...), hãy chọn những câu có sử dụng phương tiện liên kết (PTLK), điền đúng vào bảng bằng cách đánh dấu [X]:

Các phương tiện liên kết	Lặp từ ngữ	Thế đồng nghĩa	Liên tưởng bộ phận	Nói cụm từ	Tính lược CN
Các câu theo thứ tự trong đoạn văn					
1	X				
2		X		X	
3		X			X
4	X				
...					

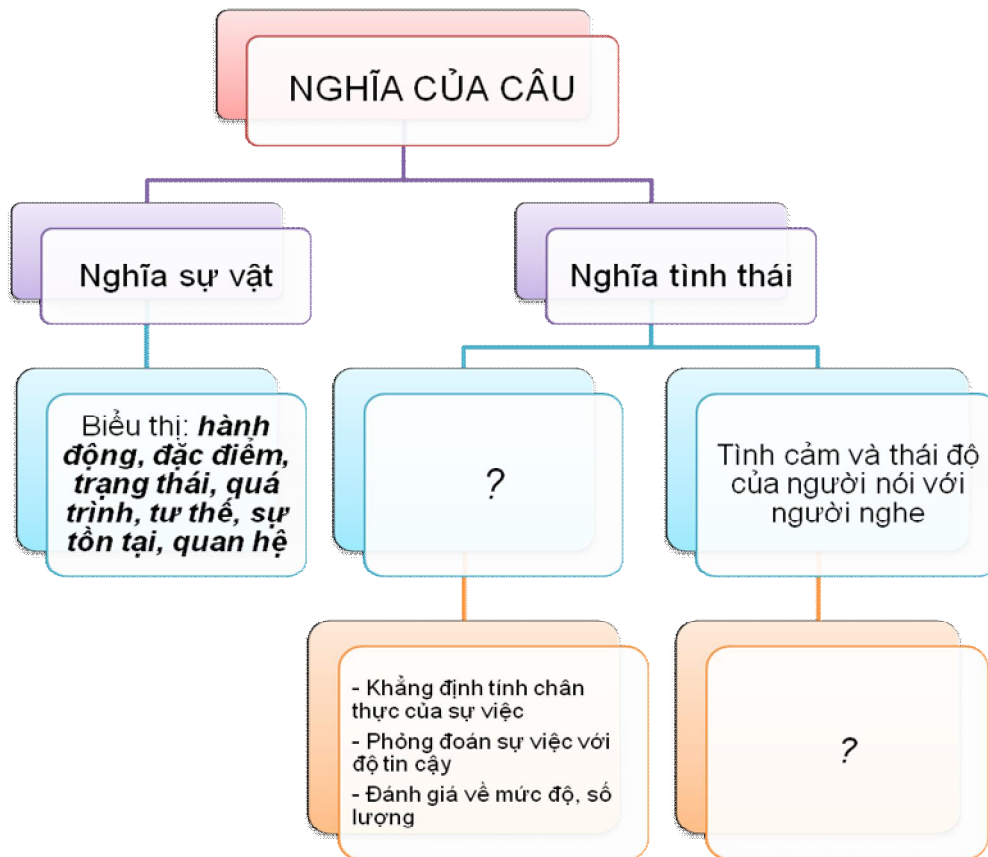
Hoặc yêu cầu HS lập kế hoạch làm việc cá nhân (trong 1 tuần).

2.3.3. Kiểm tra khả năng ghi nhớ tích cực của HS, khắc phục lỗi học vẹt, thụ động

Ghi nhớ là một thuộc tính quan trọng của tư duy, của quá trình động não gắn liền với năng lực hiểu biết và suy nghĩ, vận dụng và sáng tạo của con người. Ghi nhớ được các nội dung quan trọng của BH có ý nghĩa như một quá trình tích lũy,

làm giàu kiến thức, mở rộng sự hiểu biết, làm chủ vốn tri thức. Đây là hình thức kiểm tra nhằm khắc phục tình trạng thiếu tập trung trong học tập của HS, tạo ra nguồn thông tin phản hồi: HS không chỉ được quan sát G mà còn được chủ động tham gia vào việc xây dựng nó (qua làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm). GV có thể tạo ra những G bị thiếu ô, bị sai, bị nhầm lẫn các đường dẫn (biểu thị quan hệ giữa các đơn vị kiến thức...) hoặc bị trùng lặp về nội dung, bị mâu thuẫn về ý nghĩa... rồi yêu cầu HS sửa lại, bổ sung, hoàn thiện kiến thức.

Ví dụ, trong bài “Nghĩa của câu”:



Trong trường hợp này, G đã phát huy được ưu thế của nó trong việc chuyển hóa từ việc HS ghi nhớ máy móc và thu thập tài liệu sang cách “gia công tư liệu” ở mức độ cao hơn, sâu hơn, biến những tri thức đã học thành cái vốn “cho mình”, “của mình”.

3. Kết luận

Có thể thấy tính hiệu quả của việc DH không phải dựa vào điều GV trình bày mà dựa vào cách “gây ảnh hưởng” của họ đến HS như thế nào trong môi trường tương tác sư phạm. Việc chuẩn hóa về các loại năng lực DH đối với GV trong đó có năng lực sử dụng phương tiện DH rất quan trọng. Vì tư duy của HS chỉ có thể nảy sinh trên cơ sở hoạt động thực tiễn, trong những hoàn cảnh cụ thể với những thách thức mới. Điều này đòi hỏi GV phải biết cách khai thác tốt các phương pháp, cách thức DH. Chính tính chất phong phú của nội dung môn học, sự đa dạng của nhiều cách tiếp cận kiến thức và nhu cầu tâm lý luôn muốn đổi mới, sáng tạo của HS sẽ buộc GV phải thay đổi cách dạy. Việc lập G trong DH Tiếng Việt vì thế nên được coi là một kỹ năng cần được GV rèn luyện để tích cực hóa hoạt động học tập của HS.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. M.N.Iakovlev, (1983), *Phương pháp và kỹ thuật lên lớp trong trường Phổ thông*, H.: NXB Giáo Dục.
- [2]. Thái Duy Tuyên, (1999), *Những vấn đề cơ bản của giáo dục học hiện đại*, H.: NXB Giáo Dục.
- [3]. Viện KHGD Việt Nam, (1999), *Một số vấn đề về phương pháp dạy học Đại học*.
- [4]. Tô Xuân Giáp, (2005), *Phương tiện dạy học*, H.: NXB Giáo Dục.

Tóm tắt**Sử dụng Graph trong dạy học tiếng Việt**

Công cuộc đổi mới về giáo dục đã đặt ra những yêu cầu về phẩm chất và năng lực, làm thay đổi vai trò của người giáo viên. Tính hiệu quả của việc dạy học không phải dựa vào điều giáo viên trình bày mà dựa vào “cách gây ảnh hưởng” của họ như thế nào đối với học sinh. Khi lấy học sinh làm trung tâm, phương pháp dạy học hiện nay đã chuyển từ cách dạy thông báo – đồng loạt – bị động... sang cách dạy thực hành – phân hóa – chủ động. Chính tính chất phong phú của nội dung môn học, sự đa dạng của nhiều cách tiếp cận kiến thức và nhu cầu tâm lý luôn muốn đổi mới, sáng tạo trong học tập của học sinh đã buộc giáo viên phải thay đổi cách dạy. Sử dụng GRAPH trong dạy học Tiếng Việt là một kỹ năng cần được giáo viên rèn luyện nhằm tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh.

Abstract**Using graphs in teaching Vietnamese language**

Vietnam educational reform demands particular qualities and abilities from educators and trainers that change their role in the training process. The effectiveness of teaching does not rely on what teachers present, but on what influences they make upon learners. Teaching based on student – centered approach today makes students change their ways of learning from passive acquisition of information to active individualized practices. Abundance of subject matters itself, various ways of information approaches and students' psychological needs of innovations and creation in study require teachers to change their ways of teaching. Using GRAPH in teaching the Vietnamese language is an important skill practiced by teachers to activate students' various class activities.